

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI & DỊCH VỤ ĐIỆN LỰC
POTRACO

-----*-----

BẢN SAO

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI & DỊCH VỤ ĐIỆN LỰC

=====◇=====

Tháng 4 năm 2009

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
PHẦN MỞ ĐẦU	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Định nghĩa	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 3. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	7
Điều 5. Vốn điều lệ, Cổ phần, Cổ đông sáng lập	7
Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu	9
Điều 7. Chuyển nhượng cổ phần	10
Điều 8. Thu hồi cổ phần	11
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	12
Điều 9. Cơ cấu tổ chức quản lý	12
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	12
Điều 10. Quyền hạn của Cổ đông Công ty	12
Điều 11. Nghĩa vụ của các Cổ đông	14
Điều 12. Đại hội đồng Cổ đông	14
Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông	16
Điều 14. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 15. Thay đổi các quyền	18
Điều 16. Triệu tập Đại hội đồng Cổ đông, chương trình họp và thông báo.	19
Điều 17. Các điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 19. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	23

Điều 20. Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 21: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	26
Điều 22. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	26
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	27
Điều 23: Thành phần và Nhiệm kỳ.....	27
Điều 24 . Quyền hạn và Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	28
Điều 25. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị.....	31
Điều 26. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế.....	32
Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị	33
VIII. GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NHỮNG CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC	38
Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý	38
Điều 29. Cán bộ quản lý.....	38
Điều 30. Bổ nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc điều hành.	38
Điều 31: Thư ký công ty	40
IX. NHIỆM VỤ ĐƯỢC UỶ THÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	41
Điều 32. Trách nhiệm căn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý.....	41
Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	41
Điều 34. Trách nhiệm bồi thường.....	42
X. BAN KIỂM SOÁT	43
Điều 35. Ban kiểm soát.....	43
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	45
Điều 36. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	46
XII. NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN.....	46
Điều 37. Người lao động và công đoàn	46
XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	47
Điều 38. Cổ tức.....	47
Điều 39: Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận.....	48
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	48

Điều 40. Tài khoản ngân hàng.....	48
Điều 41. Các quỹ	49
Điều 42. Năm tài khoá	49
Điều 43. Hệ thống kế toán.....	50
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	50
Điều 44. Báo cáo hàng năm, 6 tháng và quý.....	50
Điều 45. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng	51
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	51
Điều 46. Kiểm toán	51
XVII. CON DẤU	52
Điều 47. Con dấu	52
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	52
Điều 48. Chấm dứt hoạt động	52
Điều 49. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Cổ đồng.....	53
Điều 50. Gia hạn hoạt động.....	53
Điều 51. Thanh lý	53
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	54
Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	54
XX. SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	55
Điều 53. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	55
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	55
Điều 54. Ngày hiệu lực	55
Điều 55. Chữ ký.....	56

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty cổ phần vận tải & dịch vụ Điện lực (dưới đây gọi tắt là Công ty) là cơ sở pháp lý cho tổ chức, quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty thuộc loại hình công ty cổ phần, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp và theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Điều lệ, các quy định của Công ty, các Nghị quyết của cổ đông và Hội đồng quản trị khi đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được sửa đổi bổ sung lần thứ hai tại Đại hội cổ đông thường niên ngày 29 tháng 5 năm 2006 và sửa đổi bổ sung lần thứ 4 và tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28/4/2009 cho phù hợp với luật chứng khoán và tình hình thực tế của Công ty.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. “Hội đồng” có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty (HĐQT).
- b. “Địa bàn kinh doanh” có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.
- c. “Vốn điều lệ” có nghĩa là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này.
- d. “Luật doanh nghiệp” có nghĩa là luật doanh nghiệp được Quốc hội thông qua ngày 29-11-2005.
- e. “Ngày thành lập” có nghĩa là ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- g. “Pháp luật” có nghĩa là tổng thể các quy tắc xử sự do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, được đảm bảo thực hiện bằng Nhà nước, đã được công khai hoá đang có hiệu lực thi hành nhằm điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong quá trình tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, Công ty.

h. “Cán bộ quản lý” có nghĩa là Giám đốc điều hành, phó giám đốc điều hành, Kế toán trưởng, và các cán bộ khác được HĐQT chỉ định làm cán bộ quản lý của Công ty.

i. “Những người liên quan” có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong Điều 4 (17) của Luật doanh nghiệp.

j. “Cổ đông” có nghĩa là mọi thể nhân hay pháp nhân được ghi tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phiếu.

k. “Thời hạn” có nghĩa là thời hạn ban đầu của Công ty như được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và mọi thời gian gia hạn được thông qua bằng một nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và được HĐQT chấp thuận.

m. “Việt Nam” có nghĩa là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.

3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty: Công ty cổ phần vận tải & dịch vụ Điện lực

- Tên giao dịch Quốc tế:

POWER TRANSPORT AND SERVICE JOINT STOCK COMPANY

- Tên giao dịch đối ngoại viết tắt: POTRACO

- Biểu tượng (Logo): Công ty được sử dụng tên gọi, cờ hiệu, biểu tượng riêng theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Hình thức: Công ty cổ phần vận tải & dịch vụ Điện lực (sau đây gọi tắt là Công ty) là doanh nghiệp được thành lập bằng hình thức chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần, được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ VIII thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.

3. Trụ sở của công ty đặt tại:

Số 112 đường Ngô Quyền – Máy Chai – Quận Ngô Quyền – Hải Phòng

Điện thoại: 0312.213610 - 0313.836629

FAX: 0313.765696

4. Thời hạn hoạt động của Công ty cổ phần là 50 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Việc chấm dứt hoặc gia hạn thời kỳ hoạt động của Công ty do Đại hội cổ đông quyết định và thực hiện theo điều 157; 158; 159; 160 của Luật Doanh nghiệp.

5. Giám đốc điều hành là Đại diện theo pháp luật của Công ty.

6. Công ty có thể thành lập chi nhánh hoặc văn phòng Đại diện: tại địa bàn kinh doanh để thực hiện mục tiêu của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép

7. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 43.2 và Điều 44 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 45 của Điều lệ này.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của Pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được (các) mục tiêu của Công ty.

ĐIỀU LỆ - Công ty cổ phần vận tải & dịch vụ Điện lực

- Dịch vụ tổng hợp kho bãi, tiếp nhận hàng hóa nhập tại các ga, cảng trong nước ; vận tải đường thủy, đường bộ ; Vận chuyển xếp dỡ hàng siêu trường siêu trọng,
- Gia công cơ khí các thiết bị điện dân dụng và công nghiệp,
- Kinh doanh vật tư, thiết bị điện dân dụng và công nghiệp, vật tư thiết bị viễn thông công cộng,
- Kinh doanh xây dựng cơ sở hạ tầng ; Kinh doanh bất động sản, nhà ở,
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp ; Xây lắp lưới điện đến cấp điện áp 110KV,
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho Ngoại quan
- Kho bãi chứa hàng container
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Công ty có thể bổ sung ngành nghề, loại hình hoạt động kinh doanh theo quyết định của Đại hội cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Công ty có thể tiến hành những hình thức kinh doanh khác được pháp luật cho phép mà HĐQT xét thấy có lợi nhất cho Công ty.

Điều 4. Mục tiêu của Công ty

Mục tiêu: Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực khác (theo giấy phép đăng ký kinh doanh) nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa ; tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động ; tăng lợi tức cho các cổ đông ; đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, Cổ phần, Cổ đông sáng lập

1. Tất cả các Cổ phần do Công ty phát hành từ ngày thông qua Điều lệ này đều là Cổ phần phổ thông, kể cả các Cổ phần do Nhà nước nắm giữ. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại Cổ phần được quy định tại Điều 10 của Điều lệ này .

2. Vốn điều lệ của Công ty là 47.000.000.000 VND (bằng chữ: Bốn mươi bảy tỷ đồng chẵn./.)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 4.700.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần.

3. Việc tăng giảm vốn điều lệ do đại hội cổ đông quyết định và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp nhận.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của Pháp luật.

5. Công ty có thể phát hành cổ phần với giá trả góp thành nhiều đợt. Kỳ hạn trả góp và số tiền trả định kỳ phải được xác định tại thời điểm phát hành cổ phần.

6. Tên, địa chỉ và số lượng cổ phần và các chi tiết khác về Cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

7. Cổ phần phổ thông mới dự kiến được phát hành sẽ ưu tiên chào bán cho các Cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng Cổ đông trong Công ty. Công ty phải thông báo việc chào bán, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn hợp lý (không ít hơn 21 ngày) để Cổ đông đặt mua. Mọi cổ phần không được Cổ đông đặt mua hết chịu sự kiểm soát của HĐQT. HĐQT có thể phân phối hoặc tăng các quyền chọn mua các cổ phần đó cho các đối tượng, theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp với điều kiện là các cổ phần đó không được bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông trừ khi các Cổ đông chấp thuận khác hoặc trong các trường hợp cổ phần được bán qua trung tâm giao dịch chứng khoán.

8. Công ty có thể mua cổ phần của chính mình (kể cả cổ phần hoàn lại) theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các luật liên quan phù hợp với các thẩm quyền mà Đại hội đồng Cổ đông đã cho phép theo quy định trong Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Cổ phần do Công ty mua lại được giữ làm cổ phần ngân quỹ và có thể được HĐQT chào bán phù hợp với quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

9. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu.

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 8 của điều 6.

2. Mọi chứng chỉ cổ phiếu phát hành phải được đóng dấu Công ty và có chữ ký của Đại diện theo Pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ này nêu rõ số lượng và loại cổ phần có liên quan, số tiền đã thanh toán, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác mà Luật Doanh nghiệp quy định. Một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ được đại diện cho một loại cổ phần.

3. Theo các quy định của Điều lệ này, bất kỳ người nào có tên ghi trong sổ đăng ký Cổ đông liên quan đến một cổ phần thuộc bất kỳ loại nào sẽ được cấp miễn phí một chứng chỉ (trong trường hợp phát hành) trong vòng 2 tháng (hoặc thời hạn lâu hơn theo như điều khoản phát hành quy định) sau khi mua hoặc chuyển nhượng.

4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh thì chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và một chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

5. Nếu một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ thì một chứng chỉ cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần tương ứng sẽ được cấp cho người nắm giữ theo yêu cầu của người đó với điều kiện phải xuất trình giấy tờ chứng minh và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải chịu trách nhiệm độc lập về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp những chứng chỉ này mất cắp hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo.

7. Tất cả các mẫu chứng chỉ cổ phiếu hoặc trái phiếu hoặc các chứng khoán khác của công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện hiện tại có liên quan đến các chứng chỉ có quy định khác, sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của Đại diện theo pháp luật của Công ty.

8. Căn cứ các quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ và cho phép các cổ phần được chuyển nhượng mà không nhất thiết phải có văn bản chuyển nhượng; hoặc tùy từng thời điểm HĐQT có thể ban hành các quy định khác thay thế cho các quy định tương ứng trong Điều lệ này về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần.

Điều 7. Chuyển nhượng cổ phần.

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

2. Trong vòng 3 năm kể từ ngày thành lập, các cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông có thể chuyển nhượng và trường hợp chuyển nhượng số cổ phần này cho những người không phải là thành viên sáng lập thì cần phải có sự đồng ý của Đại hội đồng cổ đông trong Công ty.

3. Trừ khi HĐQT có quy định khác (phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp), tất cả các chuyển nhượng cổ phần ghi danh đều có thể thực hiện thông qua việc chuyển nhượng bằng văn bản theo cách thông thường hoặc theo bất kỳ cách nào mà HĐQT có thể chấp nhận và cũng có thể chỉ là trao tay. Giấy tờ chuyển nhượng được ký bởi hoặc thay mặt bên chuyển nhượng và (trừ trường hợp cổ phiếu đã được thanh toán đầy đủ) bởi hoặc thay mặt bên nhận chuyển nhượng. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được ghi vào sổ

đăng ký Cổ đông, trừ trường hợp bên chuyển nhượng uỷ quyền cho bên nhận chuyển nhượng tham gia Đại hội cổ đông diễn ra trong thời gian đó theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

4. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.

5. Trong trường hợp một Cổ đông bị chết những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của người chết sẽ được Công ty thừa nhận là người (hoặc những người) duy nhất có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, nhưng quy định này không giải toả tài sản của Cổ đông đã chết khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ.

Điều 8. Thu hồi cổ phần

1. Nếu một Cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu thì HĐQT có thể gửi một thông báo cho Cổ đông đó vào bất kỳ lúc nào để yêu cầu thanh toán số tiền đó cùng với lãi suất có thể được luỹ kế trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán này gây ra cho Công ty.

2. Thông báo nêu trên phải nêu rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 7 ngày kể từ ngày gửi thông báo) và địa điểm thanh toán và phải nêu rõ rằng trong trường hợp không thanh toán đúng yêu cầu cổ phần chưa thanh toán hết đó sẽ bị thu hồi.

3. Nếu các yêu cầu của một thông báo nêu trên không được thực hiện thì HĐQT có thể thu hồi mọi cổ phần đã được đề cập trong thông báo vào bất kỳ lúc nào trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi. HĐQT có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định dưới đây và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

4. Một cổ phần bị thu hồi hoặc được giao nộp sẽ trở thành tài sản của Công ty và có thể được bán, tái phân phối hoặc xử lý theo một cách khác cho người mà trước thời điểm cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp đã từng nắm giữ cổ phần đó hoặc cho bất kỳ người nào khác theo những điều kiện

và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp. Nếu cần, HĐQT có thể ủy quyền cho một số người chuyển giao cổ phần trên cho bất kỳ người nào khác.

5. Một Cổ đông nắm giữ các cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp sẽ phải từ bỏ tư cách Cổ đông đối với những cổ phần đó nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty tất cả các khoản tiền có liên quan tới cổ phần đó mà vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp phải thanh toán cho Công ty cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 10 % một năm) theo quyết định của HĐQT kể từ ngày thu hồi hoặc giao nộp cho đến ngày thực hiện thanh toán và HĐQT có toàn quyền quyết định trong việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Khi cổ phần được thu hồi, thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần trước thời điểm thu hồi; nhưng trong mọi trường hợp việc thu hồi sẽ không bị mất hiệu lực vì lý do bỏ sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 9. Cơ cấu tổ chức quản lý.

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Giám đốc điều hành;
- d. Ban kiểm soát.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 10. Quyền hạn của Cổ đông Công ty

1. Cổ đông là người chủ sở hữu của Công ty và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Trách nhiệm của mỗi Cổ đông được giới hạn theo tỷ lệ cổ phần mà Cổ đông nắm giữ.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền;

b. Nhận cổ tức;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phiếu đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật;

d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới, được chào bán tương ứng với cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến Cổ đông trong danh sách Cổ đông đủ tư cách tham gia vào Đại hội đồng Cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

e'. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

f. Trong trường hợp Công ty bị giải thể, được nhận tài sản của Công ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu, nhưng chỉ sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ và các nghĩa vụ và sau các Cổ đông ưu đãi;

g. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định trong Điều 90.2 của luật Doanh nghiệp; và quy định của Đại hội đồng cổ đông.

h. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật ...

3. Cổ đông hoặc một nhóm Cổ đông nắm giữ trên 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 6 tháng trở lên có các quyền sau:

a. Đề cử các thành viên HĐQT hoặc BKS theo quy định tại Điều 19.3 và Điều 31.2 thành đề cử thành viên HĐQT hoặc BKS theo quy định tại Điều 23.3 và Điều 35.2

b. Yêu cầu triệu tập Đại hội Cổ đông;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các Cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng Cổ đông.

d. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

Điều 11. Nghĩa vụ của các Cổ đông.

Các Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

- a. Tuân thủ điều lệ Công ty và các quy chế; các quyết định của HĐQT và các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;
- b. Thanh toán tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định;
- c. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
- d. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - Vi phạm pháp luật;
 - Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

e. Hoàn thành các nghĩa vụ khác do Luật pháp quy định.

Điều 12. Đại hội đồng Cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Đại hội đồng Cổ đông thường niên do HĐQT triệu tập và tổ chức tại một địa điểm do HĐQT quy định tùy từng thời điểm. Đại hội đồng Cổ đông thường niên quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ này quy định. Đặc biệt các Cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự Đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

3. HĐQT phải triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Việc triệu tập là cần thiết nếu các kiểm toán viên độc lập thấy rằng cuộc họp là quan trọng để thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc về tình hình tài chính của Công ty mà HĐQT cũng nhận thấy như vậy.

b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy vốn điều lệ đã bị mất một nửa.

c. Khi số thành viên của HĐQT ít hơn số thành viên mà Luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ.

d. Một Cổ đông hoặc một nhóm Cổ đông quy định tại Điều 10.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các Cổ đông liên quan (Văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của các Cổ đông liên quan); và

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên HĐQT hoặc Bộ máy quản lý cao cấp vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 của Luật Doanh nghiệp hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.

f. HĐQT phải triệu tập cuộc họp Cổ đông trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu tại điểm 3d hoặc 3e trên đây.

g. Trường hợp HĐQT không triệu tập cuộc họp nêu trên, Ban kiểm soát sẽ phải triệu tập cuộc họp các Cổ đông.

h. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp, những cổ đông hoặc một nhóm Cổ đông có yêu cầu nêu tại khoản 3d của Điều này có thể triệu tập cuộc họp các Cổ đông.

i. Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành cuộc họp các Cổ đông sẽ do Công ty trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng Cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông.

1. Đại hội đồng Cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Báo cáo tài chính hàng năm.
- b. Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình Công ty.
- c. Báo cáo của HĐQT.
- d. Báo cáo của các Kiểm toán viên.
- e. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
- f. Xếp hạng doanh nghiệp phù hợp với luật doanh nghiệp

2. Đại hội đồng Cổ đông thường niên và bất thường có quyền ra các quyết định bằng cách thông qua nghị quyết về các vấn đề sau:

- a. Phê chuẩn các báo cáo tài chính hàng năm.
- b. Mức cổ tức được thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó với điều kiện là mức cổ tức này không cao hơn mức mà HĐQT đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các Cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông.
- c. Số lượng thành viên của HĐQT.
- d. Lựa chọn Công ty Kiểm toán.
- e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và phê chuẩn việc HĐQT bổ nhiệm Giám đốc điều hành.
- f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT và báo cáo tiền thù lao của HĐQT và ban kiểm soát.
- g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.
- h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần; và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập theo Điều 84.5 của Luật Doanh nghiệp.
- i. Chia tách, hợp nhất Công ty.
- j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý.

k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT hoặc Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các Cổ đông của Công ty.

l. Giao dịch bán tài sản Công ty hoặc bất kỳ chi nhánh nào hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất.

m. Công ty mua hoặc mua lại hơn 10% cổ phần hoặc cổ phần thuộc bất kỳ loại nào đang phát hành.

n. Việc Giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch HĐQT.

q. Công ty hoặc các chi nhánh nào của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại quy định tại Điều 120 của Luật Doanh nghiệp với giá trị tương ứng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán, và các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.

s. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;

3. Cổ đông không được bỏ phiếu cho bất kỳ 1 nghị quyết nào để thông qua:

a. Các hợp đồng quy định tại Điều 13.2 của Điều lệ này nếu Cổ đông đó hoặc người có liên quan tới Cổ đông đó là một bên của hợp đồng; hoặc

b. Việc mua cổ phần của Cổ đông đó hoặc của bất kỳ người nào có liên quan đến Cổ đông đó.

4. Đại hội đồng Cổ đông phải thảo luận và biểu quyết đối với các Nghị quyết về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

Điều 14. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

2. Việc chỉ định đại diện được uỷ quyền phải được lập bằng văn bản theo mẫu chung hoặc theo mẫu khác mà HĐQT chấp thuận.

a. Trường hợp là cá nhân thì phải được ký bởi người uỷ quyền hoặc bởi luật sư của người đó; và các giấy tờ tùy thân theo quy định.

b. Trường hợp là Công ty thì phải được một luật sư hoặc người được uỷ quyền hợp lệ của Công ty đó ký và đóng dấu.

c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp văn bản chỉ định đại diện được uỷ quyền được một luật sư ký thay mặt cho người uỷ quyền thì thư uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao có các xác nhận hợp lệ của thư uỷ quyền đó phải được (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty) nộp cùng với đơn chỉ định đại diện được uỷ quyền. Nếu điều này không được thực hiện thì việc chỉ định uỷ quyền sẽ được coi là không có hiệu lực.

4. Lá phiếu bầu của đại diện được uỷ quyền trong phạm vi được uỷ quyền sẽ có hiệu lực ngay cả khi Cổ đông chỉ định đại diện uỷ quyền đó đã:

a. Chết hoặc không có khả năng tự chủ hành vi của mình.

b. Huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền; hoặc

c. Huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Tuy nhiên, điều này sẽ không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên 48 giờ trước cuộc họp hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 15. Thay đổi các quyền.

1. Với sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông như được quy định tại Điều 13.2 của Điều lệ này khi vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau thì theo Luật doanh nghiệp, các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại có thể được thay đổi hoặc huỷ bỏ với sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của các cổ

phần đã phát hành của loại đó hoặc với nghị quyết được thông qua bởi những người nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của tất cả các Cổ đông có mặt tại cuộc họp của riêng những người nắm giữ loại cổ phần đó, trừ các quyết định theo mục b, khoản 3, Điều 104 Luật Doanh nghiệp.

2. Số lượng Đại biểu cần thiết để tổ chức một cuộc họp như vậy ít nhất là hai Cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) nắm giữ ít nhất 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành (nhưng tại cuộc họp không có đủ số Đại biểu như trên thì cuộc họp sẽ được tổ chức lại trong vòng 30 ngày sau đó và bất kỳ một người nào nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng Đại biểu yêu cầu). Cũng tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên bất kỳ người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản về phát hành cổ phần được quy định khác đi, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi trong một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng hạng.

Điều 16. Triệu tập Đại hội đồng Cổ đông.

1. HĐQT triệu tập Đại hội cổ đông trừ các trường hợp quy định tại Điều 12.3g + 12.3h.

2. Người triệu tập Đại hội cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị một danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội trong vòng 30 ngày trước ngày tiến hành Đại hội cổ đông; Chương trình họp, và các tài liệu phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

b. Xác định thời gian và địa điểm Đại hội và nội dung Đại hội cần bàn;

c. Thông báo cho tất cả các cổ đông về Đại hội và gửi thông báo Đại hội cho họ.

3. Thông báo Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin hợp lý về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết trước Đại hội. Thông báo về Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi theo bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin nếu cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số FAX hoặc địa chỉ thư điện tử thì thông báo họp có thể được gửi tới số FAX hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trong trường hợp cổ đông là người làm việc trong công ty thì thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi họ làm việc. Thông báo phải được gửi ít nhất 15 ngày trước ngày Đại hội đồng cổ đông kể cả ngày lễ thứ 7, chủ nhật, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Nếu Công ty có Website, thông báo về họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên đó đồng thời với việc gửi thông báo cho các Cổ đông.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 10.3 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải gửi cho công ty ít nhất 3 ngày trước khi bắt đầu họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 4 của Điều này nếu:

- a. Đề xuất không được gửi đúng thời hạn;
- b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 6 tháng ;
- c. Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết.
- d. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua nghị quyết.

6. Đối với từng vấn đề trong chương trình họp, HĐQT phải chuẩn bị dự thảo một nghị quyết.

7. Nếu tất cả cổ đông có quyền biểu quyết hiện diện trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông thì những nghị quyết được Đại hội nhất trí thông qua đều là hợp lệ ngay cả khi Đại hội đồng cổ đông không được triệu tập một cách phù hợp hoặc nội dung họp không được đưa vào quy trình một cách hợp lý.

Điều 17. Các điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Trong Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại cần có số thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đại hội lần thứ hai không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, một Đại hội cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần này được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, thủ tục đăng ký cổ đông phải được tiến hành và tiếp tục cho đến khi bảo đảm được đăng ký đầy đủ tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Việc biểu quyết tại Đại hội sẽ được tiến hành bằng cách thu số thẻ ủng hộ một nghị quyết trước, thu số thẻ phản đối nghị quyết đó sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối một vấn đề, hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được chủ toạ thông báo ngay sau khi biểu quyết được

tiến hành. Đại hội sẽ tự chọn trong số Đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu Đại hội không chọn thì chủ toạ sẽ chọn những người đó.

3. Cổ đông đến Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng chủ toạ không có trách nhiệm dừng Đại hội đó để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch HĐQT chủ trì, hoặc nếu Chủ tịch vắng mặt thì phó chủ tịch hội đồng hoặc bất kỳ người nào khác do Đại hội bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên HĐQT có mặt với chức vụ cao nhất sẽ tổ chức cuộc họp để bầu ra chủ toạ Đại hội, chủ toạ không nhất thiết phải là thành viên HĐQT, Chủ tịch, Phó chủ tịch hoặc chủ toạ được bầu vào đại hội để cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu chủ toạ, tên chủ toạ được đề cử và số phiếu bầu cho chủ toạ phải được công bố.

5. Quyết định của Chủ toạ về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

6. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ toạ Đại hội đồng cổ đông cũng có thể trì hoãn một Đại hội đã có đủ số Đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ toạ quyết định nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức Đại hội, (b) hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, với sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết, chủ toạ đại hội có thể hoãn đại hội. Thời gian hoãn tối đa là 3 ngày kể từ ngày dự định khai mạc Đại hội. Đại hội họp lại sẽ không xem xét bất cứ vấn đề nào ngoài các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

7. Chủ toạ đại hội hoặc thư ký đại hội có thể tiến hành hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

8. HĐQT có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền muốn tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà HĐQT cho là thích hợp. Khi đã xem xét kỹ lưỡng, HĐQT có thể từ chối không cho tham dự hoặc trục xuất một cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền nào đó không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh này ra khỏi Đại hội.

9. HĐQT có thể tiến hành các biện pháp mà họ cho là thích hợp sau khi đã xem xét kỹ lưỡng để:

- a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính hợp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự đại hội (hoặc tiếp tục tham dự). HĐQT có thể thay đổi những biện pháp này vào bất kỳ lúc nào. Các biện pháp có thể bao gồm và không hạn chế việc cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức tự chọn khác.

10. Trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp này, khi xác định địa điểm Đại hội, HĐQT có thể:

- a. Thông báo rằng Đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa Đại hội sẽ có mặt tại đó (“ địa điểm Đại hội chính “)
- b. Bố trí, tổ chức để những Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm Đại hội chính có thể đồng thời tham dự Đại hội.

Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần đưa ra chi tiết về những biện pháp tổ chức theo điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh khác đi), mọi Cổ đông sẽ được coi là tham gia Đại hội ở địa điểm Đại hội chính.

Điều 19. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông qua bởi từ 65% trở lên tổng số phiếu

bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, đầu tư buôn bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty phải được thông qua bởi từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các quyết định đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 21: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 22. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty;

2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23: Thành phần và nhiệm kỳ HĐQT

1. Hội đồng quản trị gồm có bảy (07) thành viên. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ tối đa 5 năm và có thể được bầu lại tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

2. ... thành viên của Hội đồng quản trị do các cổ đông sáng lập đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Các cổ đông sáng lập được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu đề cử các thành viên Hội đồng quản trị

3. Trường hợp số lượng các ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo luật Doanh nghiệp ; Nhưng phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4.

a. Mỗi cổ đông nắm giữ hơn 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử ứng viên HĐQT.

b. Những cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ ít hơn 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% thì được đề xuất 02 thành viên ; từ 30% đến dưới 50% thì được đề cử 03 thành viên; từ 50% đến 65% thì được đề cử đủ số ứng viên.

5. Một thành viên HĐQT sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị Luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT.

b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty.

c. Thành viên đó bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn có năng lực hành vi.

d. Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự cho phép của HĐQT và HĐQT đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống.

e. Thành viên đó bị cách chức thành viên HĐQT theo nghị quyết của đại hội đồng cổ đông.

5. HĐQT có thể bổ nhiệm một thành viên mới để thế vào một chỗ trống bất ngờ phát sinh trong HĐQT và thành viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông tiếp sau đó. Ngay khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bổ nhiệm. Thành viên HĐQT được chỉ định để thế vào một chỗ trống bất ngờ phát sinh trong Hội đồng vẫn phải trải qua cuộc bỏ phiếu tín nhiệm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên tiếp theo.

6. Việc bổ nhiệm các thành viên HĐQT phải được thông báo trên ít nhất 2 tờ báo kinh tế chính thức được nhiều người biết đến tại Việt Nam trong vòng 5 ngày kể từ sau khi bổ nhiệm.

7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 24 . Quyền hạn và Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;

d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;

e. Thực hiện các khiếu nại của Công ty về cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty trong các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;

f. Đề xuất các loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

g. Thực hiện việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá xác định trước;

h. Quyết định giá bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;

i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc điều hành hay bất kỳ cán bộ quản lý hoặc người đại diện nào của Công ty nếu HĐQT cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm đó không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm, nếu có.

j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;

k. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;

4. Những vấn đề sau đây được HĐQT phê chuẩn:

a. Việc thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;

b. Việc thành lập các công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại Điều 108 của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch mua, bán, sáp nhập, thuê, mua Công ty và liên doanh có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Các trường hợp khác được quy định tại Điều 120.3 của Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn;

d. Việc chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại có thẩm quyền và luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện mọi khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 500.000.000 đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% cổ phần theo từng loại;

j. Bất kỳ vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch nào khác mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình; và

k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

5. Hội đồng quản trị phải nộp báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng đối với Giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Nếu không có báo cáo của HĐQT, báo cáo tài chính thường niên của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng thông qua.

6. Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho viên chức cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện và hành động thay mặt cho Công ty, thậm chí cả khi vấn đề đòi hỏi việc đánh giá và đưa ra kết luận, trừ khi Luật pháp và Điều lệ quy định khác.

7. Các thành viên HĐQT (không kể các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của họ với tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao cho HĐQT sẽ do Đại hội cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên HĐQT theo thoả thuận trong Hội đồng hoặc nếu không thoả thuận được thì chia đều.

8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên HĐQT và số tiền mà mỗi thành viên được nhận phải được ghi chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty.

9. Mọi thành viên nắm giữ bất kỳ một chức vụ điều hành nào (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch và không tính đến việc chức vụ đó có được nắm giữ trong một khuôn khổ mang tính chất điều hành hay không), hoặc thành viên làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng, hoặc thành viên thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

10. Các thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, kể cả mọi chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng, hoặc các tiểu ban của HĐQT hoặc đại hội đồng cổ đông.

Điều 25. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng Quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể đồng thời là Giám đốc điều hành Công ty cổ phần và quyết định này cần phải khẳng định lại hàng năm vào kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng Cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và theo Luật Doanh nghiệp. Phó chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ hành động với tư cách Chủ tịch nếu chủ tịch ủy quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Nếu chủ tịch không chỉ định Phó chủ tịch hành động như vậy thì các thành viên còn lại của HĐQT sẽ chỉ định Phó chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì bất kỳ lý do nào đó thì HĐQT có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi báo cáo tài chính thường niên, Báo cáo về tình hình chung của Công ty, báo cáo kiểm toán của Kiểm toán viên và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

4. Khi cả Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức bị bãi miễn vì bất cứ lý do nào thì HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày.

Điều 26. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế

1. Mọi thành viên HĐQT (nhưng không phải người được uỷ nhiệm thay thế cho thành viên đó) có thể chỉ định bất kỳ một thành viên HĐQT nào khác, hoặc bất kỳ người nào khác được HĐQT phê chuẩn và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ này làm người thay thế cho mình và có quyền bãi miễn người thay thế đó.

2. Thành viên HĐQT thay thế sẽ có quyền nhận được thông báo về mọi cuộc họp của HĐQT và của các tiểu ban thuộc HĐQT nào mà người chỉ định anh ta là thành viên, có quyền tham gia và biểu quyết tại bất kỳ cuộc họp nào mà ở đó thành viên HĐQT chỉ định anh ta không có mặt, và được uỷ quyền để thực hiện tất cả các chức năng của người chỉ định như là thành viên của HĐQT trong trường hợp người chỉ định vắng mặt nhưng không có quyền nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ phía Công ty cho công việc của mình với tư cách là thành viên HĐQT thay thế. Tuy nhiên, Công

ty không bắt buộc phải gửi thông báo về các cuộc họp nói trên cho thành viên HĐQT thay thế không có mặt tại Việt Nam.

3. Thành viên thay thế sẽ phải từ bỏ tư cách thành viên HĐQT nếu người chỉ định anh ta không còn tư cách thành viên HĐQT nữa. Nhưng nếu một thành viên HĐQT hết nhiệm kỳ nhưng lại được tái bổ nhiệm hoặc được coi là đã được tái bổ nhiệm trong cùng Đại hội đồng cổ đông mà thành viên đó thôi giữ chức do hết nhiệm kỳ thì việc chỉ định thành viên hay thay thế do người này thực hiện ngay trước thời điểm hết nhiệm kỳ sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi thành viên đó được tái bổ nhiệm.

4. Việc chỉ định hoặc bãi nhiệm thành viên thay thế phải được thực hiện theo hình thức một văn bản thông báo do thành viên HĐQT chỉ định hoặc bãi nhiệm người thay thế ký gửi cho Công ty hoặc theo hình thức khác do HĐQT phê chuẩn.

5. Ngoài những quy định khác đã được nêu trong Điều lệ này, một thành viên thay thế sẽ được coi như là thành viên HĐQT về mọi phương diện và phải chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi và sai lầm của mình mà không được coi là người đại diện thừa hành sự uỷ quyền của thành viên HĐQT đã chỉ định mình.

Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch của HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 7 ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào cần thiết. Nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp HĐQT mà không được có bất kỳ sự trì hoãn bất hợp lý nào khi một trong số các đối tượng sau đây đề nghị bằng một văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. Giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm nhân viên quản lý;
- b. Hai thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Chủ tịch Hội đồng quản trị; hoặc
- d. Đa số thành viên trong Ban kiểm soát.

Cuộc họp HĐQT phải được tiến hành trong vòng 2 tuần sau khi đề xuất họp. Nếu chủ tịch không chấp nhận triệu tập cuộc họp, những người mong muốn tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 2 điều này có thể tự mình triệu tập họp HĐQT.

4. Theo yêu cầu của kiểm toán viên độc lập. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

5. Địa điểm họp: Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở tại Việt Nam theo quyết định của chủ tịch Hội đồng và sự nhất trí của HĐQT.

6. Thông báo và Chương trình họp: các cuộc họp phải được tiến hành trên cơ sở thông báo cho các thành viên Hội đồng 5 ngày trước khi tổ chức, với điều kiện là các thành viên Hội đồng có thể khước từ thông báo mời họp bằng văn bản và sự khước từ đó có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo về cuộc họp Hội đồng sẽ phải được làm bằng văn bản bằng tiếng Việt và phải thông báo cả về chương trình họp, thời gian, và địa điểm họp và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và cả các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

7. Số thành viên tham dự tối thiểu. Cuộc họp chỉ có thể được tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có ít nhất hai phần ba số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.

8. Biểu quyết:

a. Trừ quy định tại mục 8.b Điều này, mỗi thành viên Hội đồng hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng sẽ có một phiếu biểu quyết.

b. Một thành viên Hội đồng sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào thành viên đó hoặc bất kỳ người liên quan nào có lợi ích và lợi ích đó có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại cuộc họp về bất kỳ quyết nghị nào mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

c. Theo quy định tại mục 8.d Điều này, trong một cuộc họp của HĐQT, nếu có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của bất kỳ thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng đó, thì những vấn đề đó sẽ được chuyển tới Chủ toạ của cuộc họp và phán quyết của vị Chủ toạ liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.

d. Bất kỳ thành viên Hội đồng nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 120 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

9. Tuyên bố lợi ích. Một thành viên Hội đồng mà bằng cách này hay cách khác, trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến với Công ty sẽ phải tuyên bố bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà HĐQT lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này nếu khi đó thành viên này đã biết là mình có lợi ích trong đó. Hoặc thành viên này có thể tuyên bố điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

10. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng có mặt (trên 50%). Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau Chủ tịch sẽ là người có lá phiếu quyết định.

11. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt. Thành viên HĐQT vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết của Hội đồng bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Những phiếu bằng văn bản này phải được chuyển tới Chủ tịch hoặc nếu không gửi được cho Chủ tịch thì cho thư ký không muộn hơn 1 tiếng đồng hồ trước thời gian dự kiến họp.

12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Một cuộc họp của hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của HĐQT mà tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp

b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (cho dù là đã được sử dụng vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này mới được sử dụng) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này theo Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Một cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.

Các nghị quyết được thông qua trong một cuộc họp điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của mọi thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết bằng văn bản. Nghị quyết bằng văn bản phải được ký bởi tất cả những thành viên Hội đồng sau đây:

a. Những thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng:

b. Số lượng những thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định đã tiến hành họp hội đồng.

Loại nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như là một nghị quyết được các thành viên Hội đồng thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức như thường lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó được một thành viên trở lên ký.

14. Biên bản cuộc họp. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của HĐQT cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi. Các biên bản sẽ phải được lập bằng tiếng Việt và phải được ký bởi tất cả các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp.

15. Những người được mời họp dự thính. Giám đốc điều hành, những cán bộ quản lý khác và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp HĐQT theo lời mời của HĐQT nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên Hội đồng.

16. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền hành động và quyết định cho các tiểu ban trực thuộc bao gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng và một hoặc nhiều người khác ở ngoài Hội đồng nếu cho là phù hợp. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, mọi tiểu ban đều phải tuân thủ các quy định mà HĐQT đề ra tùy từng thời điểm. Những quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên HĐQT vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách của tiểu ban nhưng (a) số lượng thành viên kết nạp thêm phải ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của tiểu ban đó sẽ không có hiệu lực đa số thành viên có mặt tại cuộc họp thông qua nghị quyết đó không phải là thành viên HĐQT.

17. Giá trị pháp lý của hành động. Mọi hành động được thực hiện theo quyết định HĐQT, hoặc của bất kỳ tiểu ban nào trực thuộc Hội đồng hoặc do bất kỳ người nào với tư cách thành viên của tiểu ban đó sẽ được coi là có giá trị pháp lý mặc dù quá trình bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc HĐQT có thể có những sai sót.

VIII. GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NHỮNG CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ phải ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của HĐQT. Công ty có một Giám đốc điều hành hoặc một số Phó giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm. Giám đốc điều hành và các Phó giám đốc điều hành có thể đồng thời cùng là thành viên HĐQT và do HĐQT bổ nhiệm hoặc bãi miễn theo một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 29. Cán bộ quản lý

1. Theo đề nghị của Giám đốc điều hành và sự chấp thuận của HĐQT, Công ty sẽ có một số nhất định và các loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc thích hợp để thực hiện các cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do HĐQT đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc điều hành sẽ phải do HĐQT quyết định và hợp đồng của những cán bộ quản lý khác sẽ do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc điều hành.

Điều 30. Bổ nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc điều hành.

1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Giám đốc điều hành, trường hợp bổ nhiệm người khác làm giám đốc điều hành phải ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Giám đốc điều hành phải được báo cáo cho Đại hội đồng Cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ: Căn cứ theo Điều 21 của Điều lệ này Giám đốc điều hành có thể là Chủ tịch HĐQT. Nhiệm kỳ của Giám đốc điều hành là [5] năm trừ khi HĐQT có quy định khác. Việc tái bổ nhiệm được phép thực hiện. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc điều hành không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức Nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

3. Quyền hạn và Nhiệm vụ: Giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a. Thực thi các nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có quyết định của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị về số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết thực hiện các thông lệ quản lý tốt nhất cũng như các cơ cấu do HĐQT đề xuất và tư vấn cho HĐQT để quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

d. Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

e. Vào ngày [31 tháng 10] hàng năm, Giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 5 năm.

f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm do Đại hội đồng cổ đông và HĐQT thông qua;

g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý Công ty;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm của Công ty theo Kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình cho HĐQT để thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của Giám đốc điều hành và pháp luật.

4. Báo cáo lên HĐQT và các cổ đông: Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

5. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Giám đốc điều hành với ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng biểu quyết tán thành (không kể biểu quyết của Giám đốc điều hành trong trường hợp này) và bổ nhiệm một Giám đốc điều hành mới thay thế. Giám đốc điều hành bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.

Điều 31: Thư ký công ty

Trong trường hợp nếu thấy cần thiết Hội đồng quản trị được chỉ định một Thư ký công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm một Thư ký công ty vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không trái với các quy định pháp luật về lao động hiện hành. Có thể cử hai hay nhiều người cùng làm đồng thư ký công ty. HĐQT cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều trợ lý thư ký công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của thư ký công ty bao gồm:

a. Tổ chức các cuộc họp của HĐQT, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch HĐQT hoặc Ban kiểm soát;

- b. Làm biên bản các cuộc họp;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Cung cấp thông tin cho thành viên của HĐQT, Ban kiểm soát.

IX. NHIỆM VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 32. Trách nhiệm cần trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý

Thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý được ủy thác trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cần trọng mà bất kỳ một người thận trọng nào khác cũng cần phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý không được phép sử dụng vì mục đích cá nhân những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.

2. Thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT mọi lợi ích có thể gây xung đột mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng này chỉ có thể sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên HĐQT. Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà ở đó những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

a. Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người liên quan đến họ.

b. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc.

c. Doanh nghiệp quy định tại mục a và mục b, khoản 1, Điều 118 của Luật Doanh nghiệp.

5. Không một thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành, một nhân viên quản lý hay người có liên quan nào của họ được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác cổ phiếu của Công ty hoặc Công ty con của Công ty vào bất cứ thời điểm nào, khi mà họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 34. Trách nhiệm bồi thường

1. Thành viên HĐQT, Giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm và bồi thường về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tịn thác hoặc pháp nhân khác.

Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

X. BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát do Đại hội cổ đông bầu ra, thành viên của ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 121, Điều 122, Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, gồm những quyền hạn và trách nhiệm chủ yếu sau đây:

a. Được HĐQT tham khảo ý kiến về việc chỉ định Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập;

b. Thảo luận với Kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm, trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;

d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;

e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà Kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty ;

g. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi HĐQT chấp thuận ;

h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của đơn vị hoặc quan điểm của lãnh đạo Công ty ;

2. a. Mỗi cổ đông nắm giữ trên 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong khoảng thời gian từ 06 tháng liên tiếp trở lên, có quyền đề cử một ứng viên vào Ban kiểm soát;

b. Cổ đông nắm giữ ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng được đề cử 01 thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử 02 thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử 03 thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử 04 thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Thành viên của HĐQT, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát và thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho HĐQT.

4. Ban Kiểm soát không được có ít hơn 3 thành viên và không nhiều hơn 5 thành viên trong đó có một thành viên có chuyên môn về kế toán và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty Kiểm toán độc lập bên ngoài hoặc nhân viên của chính Công ty. Ban Kiểm soát phải chỉ định một thành viên là cổ đông của Công ty làm trưởng ban. Trưởng ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban Kiểm soát.

b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban Kiểm soát; và

c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

5. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quy định. Thành viên của Ban Kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

6. Sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT, ban Kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của Ban nhưng không được họp ít hơn 2 lần mỗi năm và số lượng thành viên tối thiểu phải có trong các cuộc họp là 2 người.

7. Các thành viên của Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, có nhiệm kỳ tối đa 5 năm và có thể được bầu lại vào kỳ Đại hội đồng cổ đông tiếp theo đó. Khi bầu thành viên của Ban Kiểm soát, Công ty phải thực hiện mục tiêu ít nhất một phần ba số thành viên. Ban Kiểm soát phải được bầu mới hoặc bầu lại vào mỗi kỳ Đại hội cổ đông thường niên.

8. Một thành viên Ban Kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban Kiểm soát;

b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;

c. Thành viên đó bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban Kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn có năng lực hành vi;

d. Thành viên đó vắng mặt liên tục trong vòng 12 tháng không tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát trong thời gian đó mà không được phép của Ban Kiểm soát và Ban Kiểm soát quyết nghị rằng vị trí của người đó bị bỏ trống.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 36. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Mọi cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 19.3b và 31.2b của Điều lệ này đều có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được

ủy quyền, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách các cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy Đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Mọi cổ đông đều có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ Công ty miễn phí. Nếu Công ty có một website, Điều lệ này phải được đưa lên website đó.

XII. NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 37. Người lao động và công đoàn

Giám đốc điều hành sẽ phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và

chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và pháp luật.

XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 38. Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do HĐQT đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

3. Trừ trường hợp có các quyền đi kèm theo bất kỳ cổ phần nào hoặc các điều khoản phát hành cổ phiếu đó có quy định khác đi, mức cổ tức (có tính đến những cổ phiếu chưa được thanh toán hết trong thời gian cổ tức được chi trả) được chi trả theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phiếu đó trong giai đoạn chi trả cổ tức.

4. Công ty sẽ không trả lại cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới một cổ phiếu.

5. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (có thể bằng các cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán hết tiền mua do Công ty khác phát hành) và HĐQT là cơ quan thực thi nghị quyết này.

6. Cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một cổ phiếu nếu được chi trả bằng tiền mặt sẽ phải được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và nếu có rủi ro phát sinh thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, mọi khoản cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một cổ phiếu có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển

khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp thì Công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào được Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng mà cổ đông đó không nhận được. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc trung tâm lưu ký.

7. Nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được quyền lựa chọn để nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Những cổ phần bổ sung này được ghi là những cổ phần đã thanh toán hết tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần phổ thông bổ sung thay thế cho khoản cổ tức tiền mặt phải tương ứng với số tiền mặt của cổ tức theo tính toán sát thực nhất.

8. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết của mình có thể quy định một ngày cụ thể (ngày khoá sổ) làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty mà theo đó những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể là cùng ngày hoặc vào bất cứ thời điểm nào trước khi việc nhận các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

Điều 39: Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 40. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một Ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật, nếu cần thiết.

3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 41. Các quỹ

Lợi nhuận thu được sau khi chuyển lỗ theo Điều 22 của luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập theo luật định, số còn lại được phân phối theo trình tự sau đây:

1. Bù khoản lỗ các năm trước không được trừ vào lợi nhuận trước thuế.

2. Trả tiền phạt vi phạm pháp luật Nhà nước như: Vi phạm thuế, luật giao thông, luật môi trường v.v... Sau khi đã trừ tiền bồi thường tập thể hoặc cá nhân gây ra (nếu có).

3. Trừ các khoản chi phí thực tế đã chi nhưng không được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế.

4. Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc bằng 5% lợi nhuận ròng cho đến mức bằng 10 % vốn điều lệ. Lợi nhuận ròng được xác định bằng lợi nhuận sau thuế trừ các khoản (1,2,3) Điều 36 của Điều lệ này.

5. Chia cổ tức cho các cổ đông. Tỷ lệ chia cổ tức cho các cổ đông được Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm.

6. Phân phối lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản (1,2,3,4,5) Điều 36 của Điều lệ này như sau:

6.1. Trích đến 50% để bổ sung vào quỹ Đầu tư phát triển. Tỷ lệ trích hàng năm Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

6.2. Số lợi nhuận còn lại được trích lập các quỹ khen thưởng và phúc lợi. Tỷ lệ trích mỗi quỹ là 50%.

Điều 42. Năm tài khoá

Năm tài khoá của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng mười hai cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng mười hai ngay sau ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giấy phép kinh doanh) đó.

Điều 43. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ hệ thống nào khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiền Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

2. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán .

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM, CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 44. Báo cáo hàng năm, 6 tháng và quý

1. Công ty sẽ phải chuẩn bị một bản báo cáo kế toán hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Bộ Tài chính và phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 41 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo kế toán hàng năm phải bao gồm một báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và một Bản cân đối kế toán cho thấy một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Nếu Công ty là một Công ty mẹ thì ngoài báo cáo kế toán hàng năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các Công ty con của nó vào cuối mỗi năm tài chính.

3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

4. Khi Công ty tham gia thị trường chứng khoán bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và đăng tải trên báo của địa phương và một tờ báo kinh tế Trung ương trong vòng ba số liên tiếp, nếu Công ty có một trang Website trên mạng thì các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty phải được đưa lên trang Website.

Điều 45. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu cần thiết khác phải được công bố cho các cổ đông và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 46. Kiểm toán

1. Tại Đại hội đồng Cổ đông hàng năm, một Công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam sẽ được chỉ định để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. (Đối với năm tài chính đầu tiên, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một Công ty kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty sau khi được cấp giấy đăng ký kinh doanh).

2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo kế toán hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.

3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo kế toán hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng (2) tháng kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính.

4. Một bản sao của Báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và được quyền nhận các báo cáo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng Cổ đông mà mọi cổ đông được quyền và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVII. CON DẤU

Điều 47. Con dấu

1. Hội đồng quản trị sẽ thông qua một con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 48. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;

b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;

c. Giải thể trước thời hạn theo quy định của Đại hội đồng cổ đông;

Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định và quyết định này phải được thông báo đến cơ quan có thẩm quyền để thông báo hay chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc.

Điều 49. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên HĐQT có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể chiếu theo một hay một số căn cứ sau:

1. Các thành viên HĐQT không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định của HĐQT hoạt động.
2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên HĐQT.
3. Có sự bất đồng nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 50. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội Cổ đông ít nhất (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm nếu số cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết có mặt trực tiếp tại Đại hội Cổ đông hoặc qua uỷ quyền bỏ phiếu tán thành việc gia hạn.

Điều 51. Thanh lý

1. Ít nhất 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, HĐQT sẽ phải thành lập Ban Thanh lý gồm 03 thành viên. Hai thành viên trong đó Đại hội đồng Cổ đông chỉ định và một thành viên do HĐQT chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban Thanh lý sẽ chuẩn bị các quy định hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban Thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của Công ty;
- f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:

(i) Một cổ đông hay các cổ đông với công ty; hoặc

(ii) Một cổ đông hay các cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cấp cao ;

thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp có thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT. Chủ tịch HĐQT sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh

chấp trong vòng [10] ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát hoặc luật sư của Công ty chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Nếu không có quyết định hoà giải nào đạt được trong vòng 6 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Toà án kinh tế thành phố Hải Phòng giải quyết.

3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

XX. SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 53. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 54. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm XXI chương, 55 điều, được Đại hội đồng Cổ đông lần đầu Công ty cổ phần vận tải & dịch vụ Điện lực biểu quyết thông qua ngày 30 tháng 3 năm 2004 và được sửa đổi bổ sung lần thứ 4 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28/4/2009 cho phù hợp với luật chứng khoán và tình hình thực tế của Công ty Cổ phần Vận tải và dịch vụ Điện lực-số 112 đường Ngô Quyền, Máy Chai, Quận Ngô Quyền - Hải Phòng và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;

ĐIỀU LỆ - Công ty cổ phần vận tải & dịch vụ Điện lực

- 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của UBND tỉnh, thành phố;

- 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

Điều 55. Chữ ký

Chữ ký của các cổ đông sáng lập hoặc của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

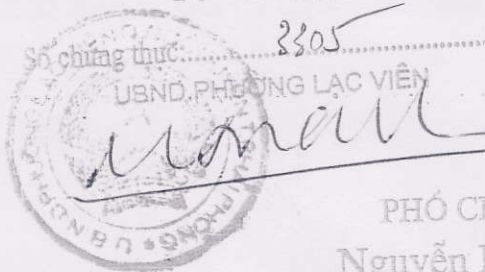
GIÁM ĐỐC CÔNG TY



CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

25-10-2013

TRẦN XUÂN TUỞNG



PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Minh Tuấn

Nơi nhận:

- HĐQT
- Đại diện cổ đông
- Lưu VT/PI

ĐÃ THU LỆ PHÍ